

Bản án số: 284/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2024

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo và ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 264/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị D, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Đình L, sinh năm 1989; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Phillipines. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đình L được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/2013 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, chị và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L chơi bời, không chịu khó làm ăn. Giữa năm 2020, do vợ chồng mâu

thuần nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương sinh sống. Tháng 8/2020, chị đi lao động tại Đài Loan. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Năm 2021, chị được biết anh L đã đi lao động tại Philippines. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Vũ Bảo K, sinh ngày 23/10/2014. Hiện nay cháu K đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị D không cung cấp được địa chỉ của anh Phạm Đình L ở P nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh L. Ông Phạm Đình C (là bố đẻ của anh L) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh L vẫn thỉnh thoảng liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh L biết. Tuy nhiên anh L không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị D vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Anh L1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn cơ bản chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D ly hôn anh Phạm Đình L. Về con chung: Giao con chung là Phạm Vũ Bảo K, sinh ngày 23/10/2014 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Phạm Đình L hiện đang sinh sống và làm việc tại P, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị D không cung cấp được địa chỉ của anh L tại P. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị D và gia đình anh L cung cấp địa chỉ, nhưng chị D và gia đình anh L không cung cấp được. Ông Phạm Đình C là bố đẻ anh L xác định anh L vẫn thỉnh thoảng liên lạc với gia đình, chị D có đơn xin ly hôn, anh L đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Phạm Đình L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/9/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị D xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L chơi bời, không chịu khó làm ăn. Từ giữa năm 2020, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Anh L1 đã biết việc chị D có đơn xin ly hôn, nhưng không có quan điểm, ý kiến gì, điều đó thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc, không có biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh L1 đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị D được ly hôn anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh L1 có 01 con chung là Phạm Vũ Bảo K, sinh ngày 23/10/2014. Hiện cháu K đang ở cùng chị D. Sau khi ly hôn, chị D có quan điểm xin được nuôi con chung, cháu K cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Xét thấy hiện nay chị D đang ở Việt Nam, anh L1 ở nước

ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con, cần giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp. Chị D tự nguyện không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D ly hôn anh Phạm Đình L.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị D được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Vũ Bảo K, sinh ngày 23/10/2014 kể từ tháng 08/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) do anh Đoàn Hồng H nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0000709 ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng Dụ, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất